

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2021/HS-ST
Ngày 28-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN D, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Kim Dũng

Bà Tạ Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trang Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Quỳnh Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, sinh ngày 25 tháng 4 năm 1990 tại H. Nơi cư trú: Tổ 2 phường H, quận D, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn Thanh và bà Lê Thị Ngái; có vợ là Nguyễn Thị Cúc; có con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2021, đến ngày 25/6/2021 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Nguyễn Văn T A, sinh ngày 18 tháng 9 năm 1992 tại H. Nơi cư trú: Tổ 1 phường H, quận D, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Sơn và bà Nguyễn Thị Hiền; có vợ là Dư Thị Thanh Thu, sinh năm 1998; có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2021, đến ngày 25/6/2021 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Phạm Văn Khanh, vắng mặt;
- *Người chứng kiến:* Anh Đỗ Công Huỳnh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 22/6/2021, tại tổ dân phố Đông Lãm 1, phường Đa Phúc, quận D, thành phố H Công an quận D làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát đã bắt quả tang Phạm Văn T và Nguyễn Văn T A có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ dưới lòng đường gần chỗ Nguyễn Văn T A đứng 01 gói nilon màu trắng kích thước (02x02) cm bên trong chứa tinh thể màu trắng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 15H1-056.01 và số tiền 470.000 đồng của Phạm Văn T. Cơ quan Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn T và Nguyễn Văn T A tại phường H, quận D không thu giữ đồ vật liên quan đến ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 403/KLGD-MT ngày 24/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố H, kết luận: Tinh thể màu trắng thu giữ của Phạm Văn T và Nguyễn Văn T A là ma túy, có khối lượng 0,42 gam, là loại Methamphetamine (bút lục 58).

Tại cơ quan điều tra Phạm Văn T và Nguyễn Văn T A, khai nhận: Khoảng hơn 11 giờ ngày 22/6/2021, T điều khiển xe mô tô 15H1- 056.01 rủ T A đi uống nước tại cổng Công ty Cự Bách ở tổ 6 phường H. Do cả hai đều là người nghiện ma túy, nên trong lúc uống nước T rủ T A đi mua ma túy về sử dụng, T A đồng ý. Vì cả hai đều không có tiền, T chở T A đến cửa hàng điện thoại Việt Hưng của anh Nguyễn Văn Hưng, ở thôn Đại Trà, xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy, thành phố H cầm cố chiếc điện thoại di động của T được 700.000 đồng. T đưa cho T A 200.000 (hai trăm nghìn) đồng để mua ma túy rồi chở T A đi đến một ngõ gần bến xe Miền Tây, quận Kiến An, T dừng xe chờ ở đầu ngõ còn T A đi bộ vào trong mua của một người phụ nữ không quen biết 200.000 (hai trăm nghìn) đồng được 01 gói ma túy. Trong khi chờ, T vào quán uống nước và mua 01 bao thuốc lá hết 30.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T A cầm gói ma túy ở tay phải đi ra nói với T “mua được rồi”, T chở T A đi về tìm nơi sử dụng. Khi về đến ngã tư thuộc tổ dân phố Đông Lãm 1, phường Đa Phúc thì bị lực lượng Công an yêu cầu dừng xe kiểm tra, T A đã nhảy xuống xe và ném gói ma túy xuống đường nhưng đã bị lực lượng Công an bắt quả tang cùng vật chứng

Về vật chứng:

- 01 phong bì niêm phong số 403MT/PC09 bên trong gồm mẫu vật giám định còn lại và vỏ bao bì; số tiền 470.000 (bốn trăm bảy mươi nghìn) đồng, chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận D quản lý; 01 xe mô tô BKS 15H1- 056.01, kết quả xác minh là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Cúc (vợ Phạm Văn T), Chị Cúc

không biết T sử dụng xe đi mua ma túy, Cơ quan điều tra đã trả chiếc xe trên cho chị Cúc (bút lục 77 đến 82).

Đối với người phụ nữ bán ma túy cho Nguyễn Văn T A, quá trình điều tra chưa xác định được căn cước lai lịch. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận D tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Tại Bản cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H truy tố Phạm Văn T và Nguyễn Văn T A đồng phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng, các bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D giữ quyền công tố luận tội:

Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Phạm Văn T và Nguyễn Văn T A đồng phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 17, Điều 58, Điều 38 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T với mức án từ 21 đến 24 tháng tù, bị cáo Nguyễn Văn T A với mức án từ 18 đến 21 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo vì điều kiện kinh tế khó khăn.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận D, thành phố H, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, người chứng kiến phù hợp với biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu

khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 22/6/2021, tại tổ dân phố Đông Lãm 1, phường Đa Phúc, quận D, thành phố H, Phạm Văn T và Nguyễn Văn T A bị bắt quả tang khi đang cất giữ trái phép 0,42 gam Methamphetamine, nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Hành vi của các bị cáo đã thỏa mãn cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy vi phạm điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là nghiêm trọng. Hành vi của **các** bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Tệ nạn ma túy đang là hiểm họa lớn đối với toàn xã hội, gây tác hại xấu cho sức khỏe con người, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội và là tác nhân làm phát sinh nhiều loại tệ nạn xã hội khác. Vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của từng bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phạm Văn T và Bị cáo Nguyễn Văn T A đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo Phạm Văn T có ông nội tên Phạm Bá Viên là người có công với nước, bị cáo Nguyễn Văn T A có thời gian phục vụ trong quân ngũ nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về vai trò của **các** bị cáo trong vụ án: **Các** bị cáo tuy cùng phạm tội nhưng không có sự bàn bạc, phân công, cấu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên cũng cần phân tích, đánh giá vai trò của từng bị cáo để có cơ sở cá thể hóa trách nhiệm hình sự. Trong vụ án này, bị cáo T là người khởi xướng, đồng thời ứng tiền cho bị cáo T A mua ma túy. Bị cáo T A là người thực hành tích cực, trực tiếp giao dịch để mua ma túy, trực tiếp tàng trữ ma túy vì vậy hai bị cáo có vai trò phạm tội ngang nhau.

[7] Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo: Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và đặc điểm nhân thân của các bị cáo như đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cả hai bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Văn T A đều là người đã trưởng thành có đầy đủ năng lực nhận thức, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc xử phạt các bị cáo hình phạt tù trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo

các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Các bị cáo có vai trò phạm tội ngang nhau nên hình phạt áp dụng đối với các bị cáo cũng ngang nhau.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì “*người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với **các** bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Hiện Chi cục thi hành án dân sự quận D đang quản lý 01 phong bì niêm phong bên trong có số ma túy còn lại sau giám định. Xét thấy, số vật chứng này liên quan đến việc phạm tội, là vật cấm lưu hành nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 470.000 đồng của bị cáo T. Xét thấy đây là số tiền không liên quan đến việc phạm tội nên áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo Phạm Văn T nhưng tạm giữ đảm bảo thi hành án.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 17, Điều 58, Điều 38 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Phạm Văn T **18 (mười tám) tháng** tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22-6-2021. Xử phạt Nguyễn Văn T A 18 (mười tám) **tháng** tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22-6-2021.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 phong bì đã niêm phong bên trong đựng số ma túy còn lại sau giám định (theo Biên bản bàn giao vật chứng **ngày 31-8-2021** tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố H).

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T 470.000 (bốn trăm bảy mươi nghìn) đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án (theo Ủy nhiệm chi số 61/KB ngày 20/9/2021 tại Kho bạc Nhà nước D).

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận D;
- VKSND TP H;
- Cơ quan điều tra Công an Q.D;
- PV06; PC10;
- Chi cục THADS quận D;
- Sở Tư pháp;
- **Trại tạm giam** Công an TP H;
- Bị cáo;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- TAND TP H;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Hải